

Số: 3025/TTr-UBND

Bình Dương, ngày 05 tháng 7 năm 2018

TỜ TRÌNH

Về việc phê duyệt tổng biên chế công chức hành chính,
số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập
của Hội có tính chất đặc thù tỉnh Bình Dương năm 2018

VĂN PHÒNG HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	
ĐẾN	Số 001911
	Ngày 05-07-2018
Chuyên:.....	
Lưu hồ sơ số:.....	

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Dương.

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 17/4/2015 của Bộ Chính trị về
tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Nghị định số 21/2010/NĐ-CP
ngày 08/03/2010 về quản lý biên chế công chức; Nghị định số 41/2012/NĐ-CP
ngày 08/5/2012 quy định về vị trí việc làm trong đơn vị sự nghiệp công lập;
Nghị định số 36/2013/NĐ-CP ngày 22/4/2013 về vị trí việc làm và cơ cấu ngạch
công chức; Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17/11/2000 về việc thực hiện chế
độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính Nhà nước, đơn vị
sự nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 387/QĐ-BNV ngày 21/3/2018 của Bộ Nội vụ về
việc giao biên chế công chức trong các cơ quan, tổ chức hành chính nhà nước
của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương năm 2018;

Căn cứ Công văn số 94/BNV-TCBC ngày 08/01/2018 của Bộ Nội vụ về
việc thẩm định số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập của
tỉnh Bình Dương năm 2018;

Căn cứ Văn bản số 178/VPCP-TCCV ngày 16/01/2018 của Văn phòng
Chính phủ về việc báo cáo thực hiện các Kết luận, Nghị quyết của Hội nghị
Trung ương, Bộ Chính trị;

Căn cứ Kế hoạch số 43-KH/TU ngày 12/02/2018 của Tỉnh ủy thực hiện
Nghị quyết số 18-NQ/TW (khóa XII) “Một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp
xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu
quả”;

Căn cứ Quyết định số 711-QĐ/TU ngày 11/5/2018 của Tỉnh ủy phê duyệt
Đề án sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tỉnh Bình Dương tinh gọn,
hoạt động hiệu lực, hiệu quả theo Nghị quyết số 18-NQ/TW của Ban chấp hành
Trung ương, khóa XII;

Căn cứ Chương trình số 77-CTr/TU ngày 11/5/2018 của Tỉnh ủy thực
hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ Sáu Ban
Chấp hành Trung ương khóa XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản



lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Quyết định số 2409/QĐ-UBND ngày 14/9/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt Đề án tinh giản biên chế tỉnh Bình Dương giai đoạn 2015-2021;

Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh trình Hội đồng nhân dân (HĐND) tỉnh giao tổng biên chế công chức hành chính, số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập và Hội có tính chất đặc thù năm 2018 như sau:

I. TÌNH HÌNH SỬ DỤNG BIÊN CHẾ CÔNG CHỨC HÀNH CHÍNH, SỐ LƯỢNG NGƯỜI LÀM VIỆC TRONG CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP NĂM 2017 ĐẾN QUÝ I/2018

1. Đối với biên chế công chức hành chính

- Tổng biên chế công chức được Bộ Nội vụ giao năm 2018: 1.892 biên chế (giảm 29 biên chế so với năm 2017).

- Tổng biên chế công chức HĐND tỉnh giao năm 2017: 2.582 biên chế, gồm 1.921 biên chế và 661 chỉ tiêu địa phương.

- Tính đến quý I/2018, tổng biên chế công chức và hợp đồng đã thực hiện: 2.416 người, gồm:

+ Biên chế công chức: 2.031 người.

+ Hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP: 73 người.

+ Hợp đồng lao động làm công tác chuyên môn trong chỉ tiêu biên chế: 312 người.

Hiện nay, biên chế công chức của tỉnh vẫn còn vượt so với biên chế được Bộ Nội vụ giao, nguyên nhân là do tỉnh đã nhiều lần bổ sung chỉ tiêu địa phương theo yêu cầu nhiệm vụ phát sinh, nhất là khi thành lập 02 huyện mới nhưng không được Bộ Nội vụ bổ sung biên chế. UBND tỉnh đã có Tờ trình Thủ tướng Chính phủ và Bộ trưởng Bộ Nội vụ đề nghị bổ sung 244 biên chế cho 02 huyện Bàu Bàng và Bắc Tân Uyên theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ. Ngày 14/3/2018, Bộ Nội vụ có văn bản số 1024/BNV-VP về việc trả lời một số kiến nghị của địa phương, theo đó Bộ Nội vụ chưa chấp thuận bổ sung biên chế cho 02 huyện mà đề nghị tỉnh tự cân đối, điều chỉnh trong tổng biên chế công chức được giao để bố trí biên chế cho 02 huyện.

2. Đối với số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập (biên chế sự nghiệp)

- Biên chế Bộ Nội vụ thẩm định năm 2018 là 25.839 người, gồm 23.590 biên chế và 2.249 hợp đồng Nghị định số 68/2000/NĐ-CP, giảm 538 biên chế so với năm 2017 (tỷ lệ giảm là 2%).

- Biên chế HĐND tỉnh phê duyệt năm 2017 là 28.416 người (Giáo dục đào tạo và Dạy nghề: 22.355, y tế: 4.626, Văn hóa thông tin – Thể dục thể thao: 306, sự nghiệp khác: 832, dự phòng 297).

- Biên chế sự nghiệp và hợp đồng Nghị định số 68/2000/NĐ-CP đã thực hiện là 26.651 người, gồm:

+ Biên chế sự nghiệp: 24.026 người, vượt 436 người (24.026-23.590) so với biên chế Bộ Nội vụ thẩm định năm 2018.

+ Hợp đồng Nghị định số 68/2000/NĐ-CP: 2.625 người, vượt 376 người (2.625-2.249) so với số hợp đồng Bộ Nội vụ thẩm định năm 2018.

Chỉ tiêu biên chế sự nghiệp đã sử dụng vượt hơn so với số lượng Bộ Nội vụ thẩm định năm 2018, nguyên nhân là do hàng năm khi thẩm định Bộ Nội vụ đều cắt giảm biên chế theo tinh thần Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 17/4/2015 của Bộ Chính trị. Trong khi đó, lĩnh vực giáo dục - đào tạo và y tế của tỉnh liên tục tăng quy mô trường, lớp, học sinh và chỉ tiêu giường bệnh. Từ năm 2015 đến nay, tỉnh đã thành lập mới 14 trường ở các cấp học, tăng 1.192 lớp, 45.335 học sinh; giao mới và bổ sung thêm 350 chỉ tiêu giường bệnh cho Bệnh viện Đa khoa tỉnh và các Trung tâm Y tế cấp huyện. Vì vậy, hàng năm căn cứ vào định mức biên chế và vị trí việc làm do trung ương quy định, UBND tỉnh trình HĐND tỉnh phê duyệt bổ sung biên chế cho 02 lĩnh vực giáo dục - đào tạo và y tế, đồng thời báo cáo về Bộ Nội vụ.

Ngày 12/02/2018, UBND tỉnh có văn bản số 632/UBND-NC tiếp tục kiến nghị Thủ tướng Chính phủ và Bộ trưởng Bộ Nội vụ thẩm định bổ sung biên chế sự nghiệp năm 2018 cho phù hợp với nhu cầu do tăng quy mô trường lớp, học sinh và giường bệnh trên địa bàn tỉnh. Tuy nhiên, ngày 21/3/2018 Bộ Nội vụ có văn bản số 1139/BNV-TCBC phúc đáp không tăng thêm biên chế sự nghiệp, đồng thời đề nghị tỉnh thực hiện theo số lượng đã được Bộ Nội vụ thẩm định nêu trên để đảm bảo thực hiện nghiêm chủ trương của Đảng, quy định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về tinh giản biên chế.

3. Đối với số lượng người làm việc trong các Hội có tính chất đặc thù (biên chế Hội)

Năm 2017, Bộ Nội vụ thẩm định tách biên chế Hội ra khỏi tổng biên chế các đơn vị sự nghiệp công lập, lập thành mục riêng để quản lý. Tổng biên chế các Hội cấp tỉnh, huyện được giao năm 2017 là 99 biên chế.

Tính đến quý I/2018, số biên chế các hội đã thực hiện là 80 người.

II. KẾ HOẠCH GIAO BIÊN CHẾ CÔNG CHỨC HÀNH CHÍNH, BIÊN CHẾ SỰ NGHIỆP VÀ HỘI CÓ TÍNH CHẤT ĐẶC THÙ NĂM 2018

1. Biên chế công chức hành chính và hợp đồng Nghị định số 68/2000/NĐ-CP

Năm 2018, UBND tỉnh trình HĐND tỉnh giao biên chế công chức theo số lượng biên chế được Bộ Nội vụ giao, đồng thời với số lượng chỉ tiêu địa phương theo hướng giảm dần theo kế hoạch tinh giản biên chế của tỉnh, gồm:

- Biên chế công chức: 1.892 biên chế (theo số lượng Bộ Nội vụ giao năm 2018).

- Biên chế công chức theo chỉ tiêu địa phương: 489 chỉ tiêu (giảm 172 chỉ tiêu so với năm 2017).

- Hợp đồng Nghị định số 68/2000/NĐ-CP: 118 chỉ tiêu. Số chỉ tiêu này được xác định trên cơ sở nhu cầu phù hợp trong các cơ quan hành chính, đồng thời để đảm bảo nguồn kinh phí chi trả cho các chức danh này trong giai đoạn thực hiện tinh giản biên chế.

(Có Bảng 1 chi tiết kèm theo)

2. Số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập

Trên cơ sở tinh giản biên chế do chuyển đổi cơ chế tự chủ và chuyển sang hợp đồng lao động đối với một số đơn vị sự nghiệp, số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập giao năm 2018 như sau:

Tổng số: 26.511 chỉ tiêu, gồm 23.886 biên chế, 2.625 hợp đồng Nghị định số 68/2000/NĐ-CP (theo số biên chế và hợp đồng Nghị định số 68/2000/NĐ-CP đã thực hiện đến thời điểm 01/01/2018).

Số lượng nêu trên vượt so với số lượng đã được Bộ Nội vụ thẩm định năm 2018 tuy nhiên đây là số lượng cần thiết, nhất là để đáp ứng yêu cầu của lĩnh vực Giáo dục - Đào tạo và Y tế của tỉnh. Chỉ tiêu từng lĩnh vực cụ thể như sau:

- Sự nghiệp Giáo dục - Đào tạo và Dạy nghề năm học 2017 - 2018: 22.016 chỉ tiêu gồm 19.549 biên chế và 2.467 hợp đồng Nghị định số 68/2000/NĐ-CP, giảm 339 chỉ tiêu so với năm học 2016 - 2017, tỷ lệ 1.52%.

Trên cơ sở biên chế giao năm học 2017-2018, ngành Giáo dục - Đào tạo thực hiện rà soát, bố trí lại nhu cầu biên chế theo đúng với các quy định về danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục công lập, giáo dục thường xuyên. Thực hiện tinh giản số viên chức thuộc các chức danh trung ương không quy định và một số viên chức làm công tác văn phòng do bố trí kiêm nhiệm. Sở Giáo dục và Đào tạo chịu trách nhiệm tổng hợp, báo cáo kết quả rà soát, tinh giản và xác định nhu cầu biên chế cần thiết đúng với quy mô trường, lớp, học sinh của năm học 2018-2019 để xin ý kiến Ban Thường vụ Tỉnh ủy và UBND tỉnh về việc tuyển dụng viên chức ngành Giáo dục và Đào tạo, đồng thời báo cáo về Bộ Nội vụ.

- Sự nghiệp Y tế: 3.610 chỉ tiêu gồm 3.555 biên chế và 55 hợp đồng Nghị định số 68/2000/NĐ-CP, giảm 1.016 chỉ tiêu so với năm 2017, tỷ lệ 21.96%.

- Sự nghiệp Văn hóa thông tin - Thể dục thể thao: 281 chỉ tiêu gồm 274 biên chế và 07 hợp đồng Nghị định số 68/2000/NĐ-CP, giảm 25 chỉ tiêu so với năm 2017, tỷ lệ 8.17%.

- Sự nghiệp khác: 604 chỉ tiêu gồm 508 biên chế và 96 hợp đồng Nghị định số 68/2000/NĐ-CP, giảm 228 chỉ tiêu so với năm 2017, tỷ lệ 27.40%.

(Có Bảng 2 chi tiết kèm theo)

3. Số lượng người làm việc trong tổ chức Hội

Tổng số lượng người làm việc trong tổ chức Hội năm 2018 được giao là 80 chỉ tiêu (theo số người thực tế có đến thời điểm 01/01/2018).

(Có Bảng 3 chi tiết kèm theo)

Trên đây là Kế hoạch giao biên chế công chức, số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập và Hội có tính chất đặc thù tỉnh Bình Dương năm 2018, Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, thông qua.

Ghi chú: *Đính kèm dự thảo Nghị quyết./.*

Nơi nhận:

- TT.Tỉnh ủy, TT.HĐND tỉnh;
- CT, các PCT.UBND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Ban Pháp chế HĐND tỉnh;
- VP.HĐND tỉnh;
- LĐVP, CV, TH;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Trần Thanh Liêm



Bảng 1

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

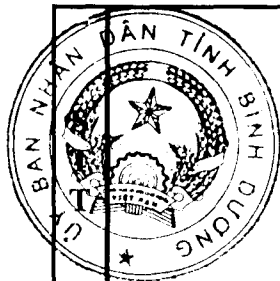
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG TỔNG HỢP BIÊN CHẾ CÔNG CHỨC TỈNH BÌNH DƯƠNG NĂM 2018

(Kèm theo Tờ trình số 3025/TTr-UBND ngày 05/7/2018 của UBND tỉnh)

S T T	Đơn vị	Biên chế giao năm 2017	Thực hiện đến Quý I/2018			Dự kiến biên chế giao năm 2018	
			Biên chế		Hợp đồng theo ND 68	Biên chế công chức	Hợp đồng theo ND 68
			Công chức	HĐLĐ làm công tác chuyên môn			
1	2	3	4	5	6	7	8
	I. CẤP TỈNH	1439	1182	85	59	1337	64
1	Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh (Phó trưởng Đoàn)	1	1	0		1	
2	Văn phòng HĐND tỉnh	30	24	2	2	28	2
3	Văn phòng UBND tỉnh	79	62	2	11	67	11
4	Sở Nội vụ	43	32	0	3	39	3
	Ban Thi đua - Khen thưởng	12	9	0	1	11	1
	Ban Tôn giáo	12	10	0	1	11	1
	Chi cục Văn thư - Lưu trữ	10	5	0		9	1
5	Sở Kế hoạch và Đầu tư	49	44	3	1	47	1
6	Thanh tra tỉnh	40	34	3	2	38	2
7	Sở Tài chính	65	52	3	1	62	1
	Chi cục Tài chính Doanh nghiệp	14	9	0		12	
8	Sở Tư pháp	31	27	0	1	30	1
9	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	68	60	3	2	64	2
	Chi cục Phòng chống tệ nạn xã hội	11	8	0		9	

S T T	Đơn vị	Biên chế giao năm 2017	Thực hiện đến Quý I/2018			Dự kiến biên chế giao năm 2018	
			Biên chế		Hợp đồng theo ND 68	Biên chế công chức	Hợp đồng theo ND 68
			Công chức	HDLĐ làm công tác chuyên môn			
1	2	3	4	5	6	7	8
10	Sở Giáo dục và Đào tạo	64	56	1	2	62	2
11	Sở Y tế	40	34	4	2	37	2
	Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm	18	13	4	1	16	1
	Chi cục Dân số - KHHGĐ	17	11	5	2	14	2
12	Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch	54	47	7	3	49	3
13	Sở Khoa học và Công nghệ	30	21	7	1	27	2
	Chi cục Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	12	10	1		11	
14	Sở Công Thương	51	41	1	1	48	1
	Chi cục Quản lý thị trường	88	74	0	3	83	3
15	Sở Xây dựng	42	36	5	1	40	1
	Thanh tra Sở Xây dựng	54	43	7	2	50	2
16	Sở Giao thông Vận tải	37	33	1		35	1
	Thanh tra giao thông vận tải	38	36	0		37	
	Văn phòng Ban An toàn giao thông tỉnh	5	4	0		5	
17	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	38	32	0	2	35	2
	Chi cục Chăn nuôi, Thú y và Thủy sản	16	15	0	1	16	
	Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật	18	14	1	1	16	1
	Chi cục Thủy lợi	17	11	1	1	15	1
	Chi cục Phát triển nông thôn	17	13	0	1	15	1
	Chi cục Kiểm lâm	30	24	5	2	27	2
	Hạt Kiểm lâm Tân Uyên - Bắc Tân Uyên	7	6			7	
	Hạt Kiểm lâm Phú Giáo	10	9	1		10	



	Đơn vị	Biên chế giao năm 2017	Thực hiện đến Quý I/2018			Dự kiến biên chế giao năm 2018	
			Biên chế		Hợp đồng theo NĐ 68	Biên chế công chức	Hợp đồng theo NĐ 68
			Công chức	HĐLĐ làm công tác chuyên môn			
1	2	3	4	5	6	7	8
	Hạt Kiểm lâm Dầu Tiếng	10	8	3	1	10	
	Chi cục Quản lý chất lượng nông, lâm sản và thủy sản	12	10	1		11	1
	Văn phòng Điều phối nông thôn mới	7	5	0		7	
18	Sở Tài nguyên và Môi trường	45	39	4		44	1
	Chi cục Bảo vệ Môi trường	23	18	0		22	1
	Chi cục Quản lý đất đai	30	26	5		29	1
19	Sở Ngoại vụ	32	29	1	2	29	2
20	Sở Thông tin và Truyền thông	32	26	0	2	29	2
21	Ban Quản lý các khu công nghiệp Bình Dương	60	46	3	2	55	2
22	Ban Quản lý Khu công nghiệp Việt Nam - Singapore	20	15	1	1	18	1
	II. CẤP HUYỆN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ	1143	849	227	14	1044	54
1	Thành phố Thủ Dầu Một	142	120	20		132	6
2	Thị xã Thuận An	129	98	26		120	6
3	Thị xã Dĩ An	128	101	19	2	120	6
4	Thị xã Tân Uyên	128	93	31	1	116	6
5	Huyện Bắc Tân Uyên	122	72	41	1	110	6
6	Huyện Phú Giáo	122	97	12	2	110	6
7	Thị xã Bến Cát	128	93	33	1	116	6
8	Huyện Bàu Bàng	122	79	36	2	110	6
9	Huyện Dầu Tiếng	122	96	9	5	110	6
	TỔNG CỘNG	2582	2031	312	73	2381	118



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bảng 2

**BẢNG TỔNG HỢP SỐ LƯỢNG NGƯỜI LÀM VIỆC TRONG CÁC
ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP TỈNH BÌNH DƯƠNG NĂM 2018**
(Kèm theo Tờ trình số 3025 /TTr-UBND ngày 05 /7/2018 của UBND tỉnh)

S T T	Đơn vị	Số lượng người làm việc năm 2017	Hiện có quý 1/2018			Số lượng người làm việc năm 2018		
			Tổng số	Biên chế	Hợp đồng theo ND 68	Tổng số	Biên chế	Hợp đồng theo ND 68
1	2	3	4	5	6	7	8	9
A	SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC ĐÀO TẠO VÀ DẠY NGHỀ	22355	22016	19549	2467	22016	19549	2467
I	Sự nghiệp Giáo dục	20718	20694	18268	2426	20694	18268	2426
	* Trực thuộc Sở GD&ĐT	2516	2448	2321	127	2448	2321	127
1	Trung học phổ thông	2404	2342	2223	119	2342	2223	119
2	Trung tâm Giáo dục thường xuyên tỉnh	89	85	80	5	85	80	5
3	Trung tâm ngoại ngữ - Tin học và Bồi dưỡng nghiệp vụ	23	21	18	3	21	18	3
	* Trực thuộc huyện, thị xã, thành phố	18202	18246	15947	2299	18246	15947	2299
1	Thành phố Thủ Dầu Một	3189	3120	2738	382	3120	2738	382
	Mầm non	937	839	615	224	839	615	224
	Tiểu học	1296	1302	1201	101	1302	1201	101
	THCS	956	979	922	57	979	922	57
2	Thị xã Dĩ An	2768	2921	2614	307	2921	2614	307

S T T	Đơn vị	Số lượng người làm việc năm 2017	Hiện có quý 1/2018			Số lượng người làm việc năm 2018		
			Tổng số	Biên chế	Hợp đồng theo ND 68	Tổng số	Biên chế	Hợp đồng theo ND 68
1	2	3	4	5	6	7	8	9
	Mầm non	617	597	426	171	597	426	171
	Tiểu học	1252	1394	1301	93	1394	1301	93
	THCS	899	930	887	43	930	887	43
3	Thị xã Thuận An	3040	3016	2723	293	3016	2723	293
	Mầm non	698	629	463	166	629	463	166
	Tiểu học	1436	1455	1365	90	1455	1365	90
	THCS	906	932	895	37	932	895	37
4	Thị xã Tân Uyên	1949	1968	1745	223	1968	1745	223
	Mầm non	469	427	306	121	427	306	121
	Tiểu học	899	937	866	71	937	866	71
	THCS	581	604	573	31	604	573	31
5	Huyện Bắc Tân Uyên	817	811	670	141	811	670	141
	Mầm non	344	343	254	89	343	254	89
	Tiểu học	397	394	350	44	394	350	44
	THCS	76	74	66	8	74	66	8
6	Huyện Phú Giáo	1636	1642	1413	229	1642	1413	229
	Mầm non	491	505	372	133	505	372	133
	Tiểu học	658	646	583	63	646	583	63
	THCS	487	491	458	33	491	458	33



Đơn vị	Số lượng người làm việc năm 2017	Hiện có quý 1/2018			Số lượng người làm việc năm 2018		
		Tổng số	Biên chế	Hợp đồng theo ND 68	Tổng số	Biên chế	Hợp đồng theo ND 68
1	2	3	4	5	6	7	8
7 Thị xã Bến Cát	1808	1819	1567	252	1819	1567	252
Mầm non	397	379	234	145	379	234	145
Tiểu học	841	854	785	69	854	785	69
THCS	570	586	548	38	586	548	38
8 Huyện Bàu Bàng	1196	1146	978	168	1146	978	168
Mầm non	432	391	284	107	391	284	107
Tiểu học	467	455	416	39	455	416	39
THCS	297	300	278	22	300	278	22
9 Huyện Dầu Tiếng	1799	1803	1499	304	1803	1499	304
Mầm non	648	655	460	195	655	460	195
Tiểu học	733	725	651	74	725	651	74
THCS	418	423	388	35	423	388	35
Cộng	18202	18246	15947	2299	18246	15947	2299
Mầm non	5033	4765	3414	1351	4765	3414	1351
Tiểu học	7979	8162	7518	644	8162	7518	644
Trung học cơ sở	5190	5319	5015	304	5319	5015	304
II Sự nghiệp Đào tạo và Dạy nghề	1637	1322	1281	41	1322	1281	41
1 Trường Đại học Thủ Dầu Một	731	637	637		637	637	
2 Trường Cao đẳng nghề Việt Nam - Singapore	134	107	103	4	107	103	4

S T T	Đơn vị	Số lượng người làm việc năm 2017	Hiện có quý 1/2018			Số lượng người làm việc năm 2018		
			Tổng số	Biên chế	Hợp đồng theo ND 68	Tổng số	Biên chế	Hợp đồng theo ND 68
1	2	3	4	5	6	7	8	9
3	Trường Cao đẳng Y tế (chuyển sang tự chủ năm 2017)	91	0					
4	Trường Cao đẳng Việt Nam - Hàn Quốc	105	82	81	1	82	81	1
5	Trường Trung cấp Mỹ thuật - Văn hóa	90	78	71	7	78	71	7
6	Trường Trung cấp Kinh tế	41	38	34	4	38	34	4
7	Trường Trung cấp Nông lâm nghiệp	54	48	45	3	48	45	3
8	Trường Trung cấp Kỹ thuật Phú Giáo (giải thể đầu năm 2018, nhân sự điều động về trường TC Kinh tế, TT GDNN-GDTX Phú Giáo, Cao đẳng Việt Nam - Hàn Quốc)	25						
9	Trường Trung cấp nghề Khu công nghiệp	22	15	15		15	15	
10	Trường Năng khiếu Thể dục Thể thao	22	21	20	1	21	20	1
11	Trường Trung cấp nghề Dĩ An	18	16	16		16	16	
12	Trường Trung cấp nghề Tân Uyên	18	12	12		12	12	
13	Trung tâm GD nghề nghiệp - GD thường xuyên thị xã Thuận An	44	46	43	3	46	43	3
14	Trung tâm GD nghề nghiệp - GD thường xuyên thị xã Dĩ An	56	49	46	3	49	46	3
15	Trung tâm GD nghề nghiệp - GD thường xuyên thị xã Tân Uyên	45	43	40	3	43	40	3
16	Trung tâm GD nghề nghiệp - GD thường xuyên thị xã Bến Cát	54	47	44	3	47	44	3
17	Trung tâm GD nghề nghiệp - GD thường xuyên huyện Phú Giáo	32	36	33	3	36	33	3
18	Trung tâm GD nghề nghiệp - GD thường xuyên huyện Dầu Tiếng	36	31	28	3	31	28	3
19	Trung tâm Dạy nghề Người khuyết tật	19	16	13	3	16	13	3

S T T	Đơn vị	Số lượng người làm việc năm 2017	Hiện có quý 1/2018			Số lượng người làm việc năm 2018		
			Tổng số	Biên chế	Hợp đồng theo ND 68	Tổng số	Biên chế	Hợp đồng theo ND 68
	2	3	4	5	6	7	8	9
B	SỞ NGHIỆP Y TẾ	4626	3622	3567	55	3610	3555	55
I	Tuyển tỉnh	2316	1590	1556	34	1578	1544	34
1	Bệnh viện đa khoa tỉnh	1708	1065	1047	18	1065	1047	18
2	Bệnh viện Y học cổ truyền	157	126	123	3	126	123	3
3	Bệnh viện Điều dưỡng - Phục hồi chức năng	88	79	76	3	79	76	3
4	Trung tâm Y tế dự phòng tỉnh	66	57	55	2	57	55	2
5	Trung tâm Phòng chống HIV/AIDS	31	28	27	1	28	27	1
6	Trung tâm Chăm sóc sức khỏe sinh sản	84	64	63	1	64	63	1
7	Trung tâm Truyền thông giáo dục sức khỏe	18	16	15	1	16	15	1
8	Trung tâm Kiểm nghiệm	34	33	30	3	33	30	3
9	Trung tâm Sức khỏe lao động và Môi trường	50	46	45	1	46	45	1
10	Trung tâm Phòng chống bệnh xã hội	50	46	45	1	46	45	1
11	Trung tâm Y khoa	12	12	12		0	0	
12	Trung tâm Pháp y	12	12	12		12	12	
13	Trung tâm Tư vấn, dịch vụ Dân số - KHHGD tỉnh	6	6	6		6	6	
II	Tuyển huyện, thị xã, thành phố	2310	2032	2011	21	2032	2011	21
1	Trung tâm Y tế Thủ Dầu Một	251	225	223	2	225	223	2
	- Tuyển huyện	109	100	99	1	100	99	1
	- Tuyển xã	142	125	124	1	125	124	1

S T T	Đơn vị	Số lượng người làm việc năm 2017	Hiện có quý 1/2018			Số lượng người làm việc năm 2018		
			Tổng số	Biên chế	Hợp đồng theo ND 68	Tổng số	Biên chế	Hợp đồng theo ND 68
1	2	3	4	5	6	7	8	9
2	Trung tâm Y tế Thuận An	483	420	418	2	420	418	2
	- Tuyển huyện	334	306	304	2	306	304	2
	- Tuyển xã	149	114	114		114	114	
3	Trung tâm Y tế Dĩ An	263	227	224	3	227	224	3
	- Tuyển huyện	182	157	154	3	157	154	3
	- Tuyển xã	81	70	70		70	70	
4	Trung tâm Y tế Tân Uyên	278	226	222	4	226	222	4
	- Tuyển huyện	163	142	138	4	142	138	4
	- Tuyển xã	115	84	84		84	84	
5	Trung tâm Y tế Bắc Tân Uyên	130	114	113	1	114	113	1
	- Tuyển huyện	57	46	45	1	46	45	1
	- Tuyển xã	73	68	68		68	68	
6	Trung tâm Y tế Bến Cát	263	228	226	2	228	226	2
	- Tuyển huyện	163	134	132	2	134	132	2
	- Tuyển xã	100	94	94		94	94	
7	Trung tâm Y tế Bàu Bàng	108	103	103	0	103	103	0
	- Tuyển huyện	37	36	36		36	36	
	- Tuyển xã	71	67	67		67	67	
8	Trung tâm Y tế Phú Giáo	261	241	240	1	241	240	1

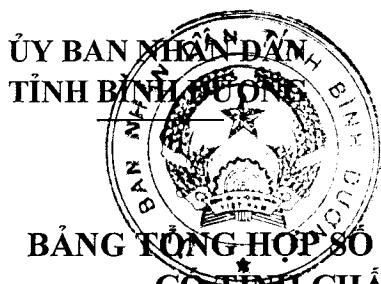
S T T	Đơn vị	Số lượng người làm việc năm 2017	Hiện có quý 1/2018			Số lượng người làm việc năm 2018		
			Tổng số	Biên chế	Hợp đồng theo ND 68	Tổng số	Biên chế	Hợp đồng theo ND 68
	2	3	4	5	6	7	8	9
	Tuyên huyện	171	161	160	1	161	160	1
	- Tuyên xã	90	80	80		80	80	
9	Trung tâm Y tế Dầu Tiếng	273	248	242	6	248	242	6
	- Tuyên huyện	153	152	148	4	152	148	4
	- Tuyên xã	120	96	94	2	96	94	2
C	VĂN HÓA THÔNG TIN-THỂ DỤC THỂ THAO	306	281	274	7	281	274	7
I	Cấp tỉnh:	130	116	109	7	116	109	7
1	Trung tâm Văn hóa - Điện ảnh tỉnh	27	26	24	2	26	24	2
2	Bảo tàng tỉnh	23	21	20	1	21	20	1
3	Ban Quản lý Di tích - Danh thắng	11	10	10		10	10	
4	Thư viện tỉnh	31	25	24	1	25	24	1
5	Đoàn Ca múa nhạc dân tộc	19	15	13	2	15	13	2
6	Trung tâm Thể dục - Thể thao	19	19	18	1	19	18	1
II	Cấp huyện, thị xã, thành phố	176	165	165	0	165	165	0
1	Thành phố Thủ Dầu Một	26	24	24		24	24	
2	Thị xã Thuận An	24	23	23		23	23	
3	Thị xã Tân Uyên	19	19	19		19	19	
4	Huyện Bắc Tân Uyên	12	11	11		11	11	
5	Thị xã Bến Cát	19	16	16		16	16	
6	Huyện Bàu Bàng	12	12	12		12	12	
7	Thị xã Dĩ An	27	25	25		25	25	

S T T	Đơn vị	Số lượng người làm việc năm 2017	Hiện có quý 1/2018			Số lượng người làm việc năm 2018		
			Tổng số	Biên chế	Hợp đồng theo ND 68	Tổng số	Biên chế	Hợp đồng theo ND 68
1	2	3	4	5	6	7	8	9
8	Huyện Phú Giáo	19	18	18		18	18	
9	Huyện Dầu Tiếng	18	17	17		17	17	
D	SỰ NGHIỆP KHÁC	832	732	636	96	604	508	96
I	Cấp tỉnh:	783	705	609	96	577	481	96
1	Trung tâm Xúc tiến Thương mại	15	12	12		12	12	
2	Trung tâm Xúc tiến Du lịch	9	7	7		7	7	
3	Cảng vụ đường thủy nội địa	3	3	3		3	3	
4	Trung tâm Quản lý và Điều hành vận tải hành khách công cộng	8	8	8		8	8	
5	Trung tâm Khuyến công và tư vấn phát triển công nghiệp	24	22	22		22	22	
6	Trung tâm Khuyến nông	33	24	24		24	24	
	- Trạm liên huyện phía Nam	5	3	3		3	3	
	- Trạm Khuyến nông thị xã Bến cát	3	3	3		3	3	
	- Trạm Khuyến nông huyện Bàu Bàng	4	3	3		3	3	
	- Trạm Khuyến nông thị xã Tân Uyên	3	2	2		2	2	
	- Trạm Khuyến nông huyện Bắc Tân Uyên	4	2	2		2	2	
	- Trạm Khuyến nông huyện Phú Giáo	5	5	5		5	5	
	- Trạm Khuyến nông huyện Dầu Tiếng	5	5	5		5	5	
7	Trung tâm Đầu tư, khai thác thủy lợi và nước sạch nông thôn	13	13	13		13	13	
8	Sự nghiệp Chi cục Văn thư - Lưu trữ	20	20	18	2	20	18	2
9	Trung tâm Hành chính công	9	9	9		9	9	
10	Trung tâm Công báo	9	8	8		8	8	

S T	Đơn vị	Số lượng người làm việc năm 2017	Hiện có quý 1/2018			Số lượng người làm việc năm 2018		
			Tổng số	Biên chế	Hợp đồng theo ND 68	Tổng số	Biên chế	Hợp đồng theo ND 68
	2	3	4	5	6	7	8	9
11	Ban Quản lý Tòa nhà Trung tâm Hành chính tỉnh	12	12	12		12	12	
	* Bảo vệ Tòa nhà Trung tâm Hành chính tỉnh	66	62	62		0	0	
12	Trung tâm Trợ giúp Pháp lý Nhà nước	15	14	14		14	14	
13	Trung tâm Công nghệ thông tin - Lưu trữ TNMT	20	18	18		18	18	
14	Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh	80	66	66		0	0	
15	Trung tâm Thông tin và Thông kê Khoa học và Công nghệ	9	7	7		7	7	
16	Trung tâm Bảo trợ xã hội	90	83	30	53	83	30	53
17	Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh	70	68	33	35	68	33	35
18	Trung tâm Dịch vụ việc làm tỉnh	40	37	37		37	37	
19	Trung tâm Giới thiệu việc làm Thanh niên	7	7	7		7	7	
20	Trung tâm hoạt động Thanh niên	9	9	9		9	9	
21	Đội Thanh niên xung phong	8	8	8		8	8	
22	Trung tâm Hỗ trợ thanh niên công nhân và lao động trẻ	3	3	3		3	3	
23	Trung tâm Giới thiệu việc làm Phụ nữ	3	3	3		3	3	
24	Trung tâm Dạy nghề và Dịch vụ hỗ trợ nông dân tỉnh	4	3	3		3	3	
25	Trung tâm công nghệ thông tin và Truyền thông	16	16	16		16	16	
26	Trung tâm Thông tin điện tử	14	14	14		14	14	
27	Trạm Chẩn đoán xét nghiệm và điều trị bệnh động vật thú y	7	7	7		7	7	
28	Trạm kiểm dịch động vật đầu mối giao thông	7	7	7		7	7	
29	Trạm Chăn nuôi và Thú y huyện, thị xã, thành phố		0			0		
	Trạm Chăn nuôi và Thú y thành phố Thủ Dầu Một	9	8	8		8	8	

S T T	Đơn vị	Số lượng người làm việc năm 2017	Hiện có quý 1/2018			Số lượng người làm việc năm 2018		
			Tổng số	Biên chế	Hợp đồng theo ND 68	Tổng số	Biên chế	Hợp đồng theo ND 68
1	2	3	4	5	6	7	8	9
	Trạm Chăn nuôi và Thú y thị xã Thuận An	8	7	7		7	7	
	Trạm Chăn nuôi và Thú y thị xã Dĩ An	8	7	7		7	7	
	Trạm Chăn nuôi và Thú y thị xã Bến Cát	5	4	4		4	4	
	Trạm Chăn nuôi và Thú y huyện Bàu Bàng	4	3	3		3	3	
	Trạm Chăn nuôi và Thú y thị xã Tân Uyên	4	4	4		4	4	
	Trạm Chăn nuôi và Thú y huyện Bắc Tân Uyên	5	5	5		5	5	
	Trạm Chăn nuôi và Thú y huyện Phú Giáo	8	6	6		6	6	
	Trạm Chăn nuôi và Thú y huyện Dầu Tiếng	8	7	7		7	7	
30	Trạm Trồng trọt và Bảo vệ thực vật huyện, thị xã, thành phố		0			0		
	Sự nghiệp Trồng trọt và BVTV thành phố Thủ Dầu Một	4	3	3		3	3	
	Trạm Trồng trọt và BVTV thị xã Dĩ An	4	3	3		3	3	
	Trạm Trồng trọt và BVTV thị xã Thuận An	4	3	3		3	3	
	Trạm Trồng trọt và BVTV thị xã Bến Cát	3	3	3		3	3	
	Trạm Trồng trọt và BVTV huyện Bàu Bàng	3	3	3		3	3	
	Trạm Trồng trọt và BVTV thị xã Tân Uyên	3	3	3		3	3	
	Trạm Trồng trọt và BVTV huyện Bắc Tân Uyên	3	3	3		3	3	
	Trạm Trồng trọt và BVTV huyện Phú Giáo	6	4	4		4	4	
	Trạm Trồng trọt và BVTV huyện Dầu Tiếng	6	6	6		6	6	
31	Ban QLDA rừng phòng hộ núi Cạn Dầu Tiếng	11	9	9		9	9	
32	Ban quản lý nghĩa trang liệt sĩ	12	10	4	6	10	4	6
33	Quỹ Bảo trợ Trẻ em tỉnh	6	5	5		5	5	

S T T	Đơn vị	Số lượng người làm việc năm 2017	Hiện có quý 1/2018			Số lượng người làm việc năm 2018		
			Tổng số	Biên chế	Hợp đồng theo ND 68	Tổng số	Biên chế	Hợp đồng theo ND 68
34	Văn phòng Quỹ Bảo trì đường bộ	3	3	3		3	3	
35	Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ	4	3	3		3	3	
II	Cấp huyện, thị xã, thành phố	49	27	27	0	27	27	0
1	Thành phố Thủ Dầu Một	1	1	1		1	1	
2	Thị xã Thuận An	1	1	1		1	1	
3	Thị xã Tân Uyên	5	5	5		5	5	
4	Huyện Bắc Tân Uyên	2	2	2		2	2	
5	Thị xã Bến Cát	10	6	6		6	6	
6	Huyện Bàu Bàng	4	1	1		1	1	
7	Thị xã Dĩ An	9	3	3		3	3	
8	Huyện Phú Giáo	8	3	3		3	3	
9	Huyện Dầu Tiếng	9	5	5		5	5	
E	DỰ PHÒNG	297				0		
	TỔNG CỘNG	28416	26651	24026	2625	26511	23886	2625



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**BẢNG TỔNG HỢP SỐ LƯỢNG NGƯỜI LÀM VIỆC TRONG TỔ CHỨC HỘI
CƠ TÍNH CHẤT ĐẶC THÙ TỈNH BÌNH DƯƠNG NĂM 2018**

(Kèm theo Tờ trình số 3025/TTr-UBND ngày 05/7/2018 của UBND tỉnh)

STT	Đơn vị	Số lượng người làm việc năm 2017	Hiện có quý 1/2018	Số lượng người làm việc năm 2018
1	2	3	4	5
I	CẤP TỈNH	60	46	46
1	Câu lạc bộ hưu trí	1	1	1
2	Liên minh hợp tác xã	13	10	10
3	Liên hiệp các Hội khoa học kỹ thuật	7	5	5
4	Hội Văn học nghệ thuật	9	4	4
5	Hội Đông y tỉnh	8	6	6
6	Hội Chữ thập đỏ tỉnh	15	13	13
7	Hội Người mù tỉnh	5	5	5
8	Liên hiệp các Tổ chức hữu nghị tỉnh	2	2	2
II	CẤP HUYỆN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ	39	34	34
	Thành phố Thủ Dầu Một	4	4	4
1	Hội chữ thập đỏ	3	3	3
2	Hội người mù	1	1	1
	Thị xã Thuận An	5	5	5
1	Hội chữ thập đỏ	4	4	4
2	Hội người mù	1	1	1
	Thị xã Tân Uyên	7	5	5
1	Hội chữ thập đỏ	4	2	2
2	Hội người mù	1	1	1
3	Hội Đông y	2	2	2
	Huyện Bắc Tân Uyên	3	3	3
1	Hội chữ thập đỏ	3	3	3
	Thị xã Bến Cát	4	4	4
1	Hội chữ thập đỏ	3	3	3
2	Hội người mù	1	1	1
	Huyện Bàu Bàng	2	2	2
1	Hội chữ thập đỏ	2	2	2

STT	Đơn vị	Số lượng người làm việc năm 2017	Hiện có quý 1/2018	Số lượng người làm việc năm 2018
1	2	3	4	5
	Thị xã Dĩ An	5	4	4
1	Hội chữ thập đỏ	3	2	2
2	Hội người mù	1	1	1
3	Hội Đông y	1	1	1
	Huyện Phú Giáo	5	4	4
1	Hội chữ thập đỏ	4	3	3
2	Hội người mù	1	1	1
	Huyện Dầu Tiếng	4	3	3
1	Hội chữ thập đỏ	3	2	2
2	Hội người mù	1	1	1
	TỔNG CỘNG	99	80	80